TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/DS-ST
Ngày: 30-09-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp tiền hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Kim Luyến;

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp tiền hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 221/2022/QĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Phạm Thị L, sinh năm: 1979 (xin vắng).

Bị đơn: Bà Lý Thị B, sinh năm 1981 (xin vắng).

Ông Đỗ Thành D, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 8 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày yêu cầu:

Bà Phạm Thị L là chủ hụi, vợ chồng bà Lý Thị B và ông Đỗ Thành D là hụi viên. Loại hụi ai bỏ thăm cao thì hốt, chủ hụi có hưởng tiền cò, cụ thể từng dây hụi:

- Dây hụi mở ngày 29/7/2019 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, có 39 chân, một tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, vợ chồng bà B

tham gia 01 chân, hốt hụi ngày 29/9/2019 âm lịch, đóng hụi chết đến kỳ thứ 31 thì ngưng, nợ 08 kỳ là 16.000.000 đồng;

- Dây hụi mở ngày 15/10/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, có 36 chân, một tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, vợ chồng bà B tham gia 10 chân, đã hốt hết 10 chân, đóng 25 kỳ thì ngưng, còn nợ 11 kỳ là 110.000.000 đồng;

- Dây hụi mở ngày 09/5/2020 âm lịch, loại hụi 20.000 đồng, một ngày khui 01 lần, có 175 chân, vợ chồng bà B tham gia 70 chân, hốt hết 70 chân, còn nợ 91.000.000 đồng.

Cùng thời điểm có vay 200.000.000 đồng, không có lãi.

Tổng cộng 417.000.000 đồng, nay yêu cầu vợ chồng bà B liên đới thanh toán tiền vay và tiền hụi cho bà L 417.000.000 đồng.

Ngày 06/9/2022, bà L có bản tự khai bổ sung, xác nhận số tiền nợ trên có trả 39.000.000 đồng, còn nợ 378.000.000 đồng. Phía bà B thừa nhận có nợ 200.000.000 đồng tiền vay, 165.000.000 đồng tiền hụi, tổng cộng 365.000.000 đồng, nay xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bà B liên đới thanh toán 365.000.000 đồng, vì việc vay tiền và chơi hụi nhằm mục đích phục vụ cho gia đình, về lãi suất không yêu cầu.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 9 năm 2022, bị đơn bà Lý Thị B trình bày ý kiến:

Bà B có nợ tiền bà L, nhưng do thời điểm trước đó có trả 39.000.000 đồng và đóng lãi 60.000.000 đồng. Hiện tại bà B còn nợ bà Phạm Thị L tiền vay 200.000.000 đồng, tiền hụi 165.000.000 đồng.

Đồng bị đơn ông Đỗ Thành D, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, hết thời hạn pháp luật quy định bị đơn không có ý kiến trả lời.

Tại phiên tòa:

Các đương sự vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thị L, bị đơn bà Lý Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận.

Nguyên đơn khởi kiện ghi đúng nơi cư trú của bị đơn ông Đỗ Thành D. Trước khi Tòa án thụ lý vụ án bị đơn đã thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện do đó Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng

theo quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Đỗ Thành D.

Về nội dung vụ án:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Bà Phạm Thị L khởi kiện vợ chồng bà Lý Thị B, ông Đỗ Thành D yêu cầu thanh toán tiền vay và tiền hụi. Quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh hợp đồng vay tài sản và tranh chấp tiền hụi".

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] Bà L khởi kiện đòi tiền vay và tiền hụi đối với vợ chồng bà B, số tiền nợ là 365.000.000 đồng; bà B thừa nhận có nợ tiền vay và tiền hụi bà L, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc kiện đòi tiền vay và tiền hụi: Bà L khởi kiện cho rằng vợ chồng bà Lý Thị B còn nợ tiền vay và không đóng hụi chết; việc không hoàn lại vốn vay và không đóng hụi của vợ chồng bà B làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà L, nên bà khởi kiện là có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của bà L.

Bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà B thanh toán tiền vay 200.000.000 đồng và tiền hụi 165.000.000 đồng; tổng 02 khoản là 365.000.000 đồng. Thấy rằng, tại bản tự khai ngày 05/9/2022 bà B thừa nhận còn nợ bà L 365.000.000 đồng tiền vay và hụi (bút lục số 37), do đó buộc bà B thanh toán số tiền vay và tiền hụi còn nợ cho bà L là phù hợp.

[3] Đối với ông Đỗ Thành D, Tòa án tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng hết thời hạn pháp luật quy định bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ, chồng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, buộc ông D có trách nhiệm liên đới cùng bà B thanh toán tiền hụi cho bà L là phù hợp.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L, buộc vợ chồng bà B, ông D liên đới thanh toán tiền vay và tiền hụi 365.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng) cho bà L.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng bà B chậm trả tiền còn phải chịu lãi suất, mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể số tiền án phí phải chịu là 365.000.000 đồng x 5% = 18.250.000 đồng, buộc vợ chồng bà B chịu án phí 18.250.000 đồng.

Bà L không phải chịu án phí có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với vợ chồng bà Lý Thị B, ông Đỗ Thành D về việc thanh toán tiền vay và tiền hụi.

- Buộc vợ chồng bà Lý Thị B, ông Đỗ Thành D liên đới thanh toán cho bà L 365.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng bà B chậm thanh toán tiền thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vợ chồng bà B phải chịu là 18.250.000 đồng.

Bà L không phải chịu án phí, bà có nộp tạm ứng án phí 10.340.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015715 ngày 16/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính